

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

[제28의2호]

진정(고소장) 취하서
ĐƠN XIN RÚT ĐƠN KHIẾU NẠI (TỐ CÁO)

1. 당사자 및 민원접수번호

1. Đương sự và số tiếp nhận dân sự

- ☐ 신고인(진정인, 고소인)
- ☐ Người khai báo (người khiếu nại, người tố cáo)
- 성명: (생년월일:)
- Họ tên: (Năm, tháng, ngày sinh:)
- 주소: (☎)
- Địa chỉ: (☎)
- ☐ 피진정인(피고소인)
- ☐ Người bị khiếu nại (người bị tố cáo)
- 성명: (☎)
- Họ tên: (☎)
- 사업체명:
- Tên công ty:
- 소재지:
- Địa chỉ:

2. 취하사유 및 형사처벌에 관한 의사

2. Lí do rút đơn và mong muốn xử phạt hình sự

- ☐ 취하사유:
- ☐ Lí do rút đơn:

< 체불금품 수령내역 >
<Chi tiết nhận khoản tiền/hiện vật chậm thanh toán>

(단위: 원)
(Đơn vị: Won)

계 Tổng	임금 Tiền lương	퇴직급여 Trợ cấp thôi việc	기타금품 Tiền và hiện vật khác

※ 진정사건과 관련하여 체불금품을 수령한 경우에 위 내역을 작성
※ Nếu đã nhận được tiền và hiện vật chậm thanh toán liên quan đến khiếu nại, vui lòng điền vào các chi tiết trên

- ☐ 형사처벌을 희망하는지 여부:
- ☐ Có muốn xử phạt hình sự không:

※ 임금체불사건에 있어 가해자의 처벌을 원하지 않는 사건(반의사불벌죄)에 대해서는 "처벌불원의사 표시에 따른 유의사항 고지사실 확인서"를 별지로 작성하여 제출
※ Đối với trường hợp chậm thanh toán lương mà không muốn người gây hại bị xử phạt (tội không bị xử phạt do không mong muốn), cần điền "Giấy xác nhận thông báo về các lưu ý theo mong muốn không xử phạt" và nộp kèm theo

20 . . .

취하인 성명 (인)
Họ tên người rút đơn (Đóng dấu)

○○지방고용노동청(지청)장 귀하

Kính gửi Giám đốc Sở (văn phòng chi nhánh) Việc làm và Lao động khu vực ○○

처벌을 원하지 않는다는 의사표시에 따른
유의사항 고지사실 확인
GIẤY XÁC NHẬN ĐÃ ĐƯỢC THÔNG BÁO NỘI
DUNG LƯU Ý VỀ VIỆC BÀY TỎ
MONG MUỐN KHÔNG XỬ PHẠT

1. 귀하는 ○○지방고용노동청(지청)에 제기한 임금 등 체불 사건과 관련하여 체불사업주에 대한 처벌을 원하지 않는다는 의사를 표시하였습니다.
1. Liên quan đến sự việc chậm thanh toán lương, v.v. được nộp cho Sở (văn phòng chi nhánh) Việc làm và Lao động khu vực ○○, ông/bà đã bày tỏ ý định không mong muốn xử phạt chủ doanh nghiệp chậm thanh toán.
2. 체불사업주에 대한 처벌을 원하지 않는다는 귀하의 의사표시는 철회할 수 없습니다.
2. Tuyên bố không mong muốn xử phạt chủ doanh nghiệp chậm thanh toán sẽ không thể được rút lại.
3. 귀하가 체불사업주에 대해 처벌을 원하지 않음으로써 같은 내용에 대해 다시 신고할 수 없습니다.
3. Vì ông/bà không mong muốn xử phạt chủ doanh nghiệp chậm thanh toán nên không thể khiếu nại lại nội dung tương tự.

(문) 귀하는 위와 같은 내용에 대해 근로감독관으로부터 고지 받았나요?

(Câu hỏi) Ông/bà đã được thanh tra lao động thông báo về nội dung trên chưa?

(답) (자필 기재)

(Trả lời) (viết tay)

(문) 귀하는 체불사업주에 대한 처벌을 원하지 않는다는 의사를 철회할 생각이 있나요?

(Câu hỏi) Ông/bà có dự định rút lại ý định không xử phạt chủ doanh nghiệp chậm thanh toán không?

(답) (자필 기재)

(Trả lời) (viết tay)

(문) 귀하는 동일한 체불사건에 대해 다시 신고할 생각이 있나요?

(Câu hỏi) Ông/bà có dự định khiếu nại lại trường hợp chậm thanh toán này không?

(답) (자필 기재)

(Trả lời) (viết tay)

20

확인자:
Người xác nhận:

(인)
(Đóng dấu)